

Số: 12 /2017/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 10 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;
Căn cứ Luật Du lịch ngày 14/6/2005;
Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;
Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
Căn cứ Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2008 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Du lịch;
Căn cứ Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;
Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của liên bộ: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;
Căn cứ Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT 78/2011/TT-BNNPTNT; 25/2011/TT-BNNPTNT; 47/2012/TT-BNNPTNT; 80/2011/TT-BNNPTNT; 99/2006/TT-BNN.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu, quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 22/5/2014 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về mức thu, quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định về mức thu, quản lý và sử dụng tiền DVMTR đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ DVMTR trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 22/5/2014 của UBND tỉnh Lào Cai.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27/3/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và các Ban HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Quỹ Bảo vệ và PT rừng Việt Nam;
- Các TV. HĐQT Quỹ tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ TP;
- Sở Tư pháp;
- Công báo Lào Cai;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TH. NLN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

QUY ĐỊNH

**Mức thu, quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng
đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi
từ dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

(Kèm theo Quyết định: 12 / 2017/QĐ-UBND ngày 10 / 3 / 2017 của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mức thu, quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng gồm: các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có dịch vụ bán vé tham quan vào các khu du lịch, dịch vụ lưu trú nằm trong khu vực thuộc Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lào Cai (là đơn vị tiếp nhận ủy thác tiền dịch vụ môi trường rừng).

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có hoạt động liên quan đến quản lý, thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng.

Chương II MỨC THU, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Điều 3. Mức thu tiền dịch vụ môi trường rừng

1. Mức thu tiền dịch vụ môi trường rừng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có dịch vụ lưu trú du lịch, bán vé tham quan vào các khu du lịch trên địa bàn tỉnh là 1,0% (một phần trăm) doanh thu của các tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Quy định này sau khi đã trừ các khoản quy định tại Khoản 2, Điều này.

2. Các khoản được trừ trong doanh thu không phải nộp tiền dịch vụ môi trường rừng, gồm: dịch vụ ăn uống, tiền sử dụng nước sinh hoạt. Trong trường hợp không thể bóc tách các khoản được trừ thì được tính gộp các khoản được trừ là 50% của doanh thu dịch vụ lưu trú.

Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch chịu trách nhiệm tự kê khai và tự chịu trách nhiệm về báo cáo doanh thu và bóc tách các khoản được trừ.

3. Số tiền thu trong kỳ

a) Đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch bán vé tham quan vào khu du lịch số tiền thu trong kỳ bằng (=) 1,0% nhân (x) với doanh thu bán vé tham quan vào các khu du lịch trong kỳ;

b) Đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trú số tiền thu trong kỳ bằng (=) 1,0% nhân (x) với doanh thu dịch vụ lưu trú trong kỳ;

c) Đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch bán vé tham quan vào khu du lịch và dịch vụ lưu trú số tiền thu trong kỳ bằng (=) 1,0% nhân (x) với doanh thu bán vé tham quan vào các khu du lịch và dịch vụ lưu trú trong kỳ.

Điều 4. Quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng được sử dụng 10% trên tổng số tiền ủy thác để chi cho các hoạt động quản lý theo quy định tại Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng và Thông tư Liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Liên Bộ: Nông nghiệp và PTNT - Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. 90% số tiền ủy thác dịch vụ môi trường rừng được sử dụng để chi cho các chương trình, dự án hoặc hoạt động phi dự án do UBND tỉnh phê duyệt, bao gồm:

a) Chi hỗ trợ các dự án trồng rừng, trồng rừng cảnh quan;

b) Chi hỗ trợ kinh phí chống chặt phá rừng và sản xuất, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép, phòng cháy, chữa cháy rừng;

c) Chi hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; thử nghiệm và phổ biến nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng; thử nghiệm ứng dụng cây lâm nghiệp mới;

d) Chi hỗ trợ quảng bá xúc tiến du lịch và các hoạt động liên quan đến du lịch; đào tạo nguồn nhân lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Ký kết hợp đồng ủy thác, kê khai, kỳ hạn thanh quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng

1. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có dịch vụ lưu trú, bán vé tham quan vào các khu du lịch thực hiện ký kết hợp đồng ủy thác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo Mẫu số 1c - Ban hành kèm theo Thông tư Liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của liên bộ: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. Thời hạn hợp đồng ủy thác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng thay đổi trong trường hợp có sự thay đổi pháp nhân, chuyển nhượng, giải thể, chuyển đổi hình thức kinh doanh của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch và thay đổi của chính sách Nhà nước.

3. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có dịch vụ lưu trú, bán vé tham quan vào các khu du lịch phải tự kê khai doanh thu và số tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mẫu biểu kê khai, như sau:

a) Trước ngày 15/7 hàng năm, đơn vị chi trả dịch vụ môi trường rừng nộp tờ đăng ký kế hoạch nộp tiền dịch vụ môi trường rừng năm sau theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư Liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của liên bộ: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

b) Sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, đơn vị chi trả dịch vụ môi trường rừng lập bảng kê khai tiền dịch vụ môi trường rừng phải nộp theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư Liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của liên bộ: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

c) Chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, đơn vị chi trả dịch vụ môi trường rừng lập tờ khai tự quyết toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư Liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của liên bộ: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

4. Kỳ hạn thanh toán: việc thực hiện thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng được thực hiện theo từng quý, thời gian thanh toán chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; thời gian thanh toán quý IV của năm chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

5. Chứng từ thu tiền dịch vụ môi trường rừng

a) Chứng từ thu tiền dịch vụ môi trường rừng được sử dụng biên lai thu tiền theo mẫu số C38-BB ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính;

b) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh có trách nhiệm cung cấp biên lai thu tiền và kèm theo thông báo xác nhận số tiền thu của các tổ chức, cá nhân đã nộp tiền dịch vụ môi trường rừng về Quỹ.

Điều 6. Xử lý vi phạm chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng

Trường hợp các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch và các bên liên quan vi phạm chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng thì bị xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ và quản lý lâm sản hoặc các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo các đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện quy định này;

b) Hướng dẫn, tiếp nhận, xác nhận các trường hợp gặp rủi ro, bất khả kháng, xem xét miễn, giảm tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng theo hướng dẫn tại Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

c) Xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc lập hồ sơ kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

2. Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch, Cục Thuế tỉnh Lào Cai

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2154/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh về quy chế phối hợp thực thi chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh

a) Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố lập danh sách các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch là đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Định kỳ 6 tháng, 01 năm Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tổng hợp tình hình quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

c) Tổ chức hạch toán, quyết toán biên lai thu tiền theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. UBND các huyện, thành phố

a) Có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng phổ biến tuyên truyền, phối hợp thực hiện Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và nội dung Quyết định này.

b) Có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2154/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh về quy chế phối hợp thực thi chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

c) Xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc lập hồ sơ kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

5. Đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng

a) Thực hiện ký kết hợp đồng ủy thác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; đăng ký, kê khai số tiền dịch vụ môi trường rừng phải nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo đúng quy định.

b) Nộp đầy đủ, đúng quy định các khoản tiền dịch vụ môi trường rừng theo đúng hợp đồng cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

c) Trong trường hợp gặp rủi ro, bất khả kháng thì lập hồ sơ đề nghị các cơ quan thẩm quyền xem xét miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo hướng dẫn tại Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Điều 4 Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Tham gia vào việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước trong công tác bảo vệ và phát triển rừng trên phạm vi các khu rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

e) Được quyền kiến nghị, khiếu nại các cơ quan có thẩm quyền về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia nếu vi phạm hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng.

6. Đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân được thụ hưởng tiền dịch vụ môi trường rừng

a) Sử dụng nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng thực hiện các chương trình, dự án hoặc hoạt động phi dự án theo quy định Nhà nước;

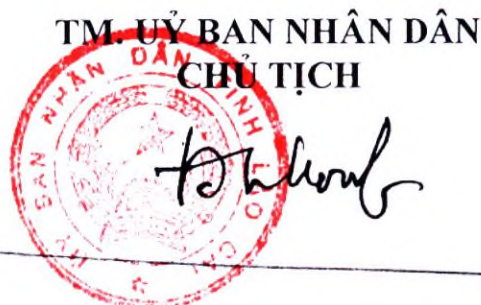
b) Định kỳ hàng quý, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án hoặc hoạt động phi dự án, tiến độ sử dụng nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo quy định.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố và các bên liên quan đến dịch vụ môi trường rừng chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các ý kiến phản ánh gửi về UBND tỉnh (qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh) để tổng hợp sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *Uy*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH


Đặng Xuân Phong

